

ĐỀ THI CHÍNH THỨC
(Đề thi có 4 trang)

MÔN: NGỮ VĂN
Thời gian làm bài: 90 phút
(không kể thời gian phát đề)

Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

Mã đề thi: 123

A. TÔ TRÊN PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

Phần I (3 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 10. Đối với mỗi câu, thí sinh chỉ chọn một phương án.

I.1. Đọc văn bản 1 và trả lời các câu hỏi từ 1 đến 5.

VĂN BẢN 1

(1) AI và những chân trời mới tiếp cận bằng AI đang mở ra trước mắt chúng ta. Trước đây, giới hạn của tâm trí con người đã hạn chế khả năng tổng hợp và phân tích dữ liệu, lọc và xử lý tin tức, các cuộc đối thoại cũng như tương tác xã hội trong địa hạt kỹ thuật số. AI giúp chúng ta làm chủ các địa hạt này một cách hiệu quả hơn. Nó tìm kiếm thông tin và xác định những xu hướng mà các thuật toán truyền thống không thể - hoặc ít nhất là không thực hiện hiệu quả và dễ dàng bằng. Khi làm như vậy, nó không chỉ mở rộng thực tại vật lý mà còn cho phép mở rộng và tổ chức thế giới kỹ thuật số đang ngày càng phát triển.

(2) Tuy nhiên, cùng lúc đó, AI cũng đang thực hiện một phép trừ. Nó đẩy nhanh những động lực làm xói mòn lí trí của con người khi chúng ta bắt đầu hiểu về nó: mạng xã hội, vốn làm suy giảm không gian dành cho việc suy nghĩ, và tìm kiếm trực tuyến, vốn làm suy giảm động lực cho việc khái niệm hoá. Nếu các thuật toán tiền AI rất giỏi trong việc cung cấp những nội dung “gây nghiện” cho con người thì AI phải gọi là xuất sắc. Khi việc đọc sâu và phân tích sụt giảm, các phần thưởng truyền thống cho việc thực hiện các quy trình này cũng sẽ nhỏ đi.

(3) Nhân loại lúc nào cũng sẽ có ba lựa chọn chính: hạn chế AI, cộng tác với nó hoặc tuân theo nó. Ba lựa chọn này sẽ xác định việc ứng dụng AI cho các nhiệm vụ hoặc lĩnh vực cụ thể, phản ánh các khía cạnh triết học cũng như thực tiễn. Ví dụ, trong các trường hợp khẩn cấp trên máy bay và xe hơi, một phi công phụ AI nên tuân theo một phi công con người hay ngược lại? Đối với mỗi ứng dụng, con người sẽ phải vạch ra một đường lối hành động; trong một số trường hợp, đường lối hành động này sẽ tiến hoá, vì các năng lực của AI và các giao thức của con người để kiểm tra kết quả của AI cũng sẽ tiến hoá. Đôi khi, con người nên tuân theo AI - nếu AI có thể phát hiện ung thư vú trong một nhũ ảnh sớm hơn và chính xác hơn con người thì việc sử dụng nó sẽ cứu mạng được nhiều người. Đôi khi, cộng tác với AI sẽ là lựa chọn tối ưu, như trong các phương tiện tự hành vốn hoạt động tương tự như hệ thống lái tự động của máy bay ngày nay. Tuy nhiên, trong những trường hợp khác như trong bối cảnh quân sự, các hạn chế nghiêm ngặt, được xác định rõ ràng và được hiểu rõ, sẽ rất quan trọng.

(Theo Henry A.Kissinger, Eric Schmidt, Daniel Huttenlocher, *Thời đại AI và tương lai loài người chúng ta*, Mai Chí Trung dịch, NXB Trẻ, 2023, tr.183-185)

Câu 1. Những thao tác nghị luận chính nào sau đây được sử dụng trong đoạn (3)?

- A. Phân tích, chứng minh.
- B. Bình luận, so sánh.
- C. Giải thích, bình luận.
- D. So sánh, phân tích.

Câu 2. Vấn đề nghị luận trong văn bản được triển khai theo trình tự nào sau đây?

- A. Vai trò của AI; tác động kép của AI; cơ sở lựa chọn công cụ AI.
- B. Tiềm năng của AI; hạn chế của AI; những hệ lụy khi lạm dụng AI.
- C. Lợi ích của AI; tác động tiêu cực của AI; định hướng sử dụng AI.
- D. Triển vọng của AI; AI và con người; AI và các khía cạnh triết học.

Câu 3. Trong đoạn (2), cụm từ “*các phần thưởng truyền thống*” chỉ điều gì sau đây?

- A. Các giải thưởng cao trong những cuộc thi truyền thống.
- B. Các thành tích xuất sắc trong đọc sâu và phân tích.
- C. Các nội dung hấp dẫn thu được từ quy trình phân tích.
- D. Các lợi ích đạt được từ hoạt động tư duy trừu tượng.

Câu 4. Khả năng nào sau đây của AI giúp mở rộng và tổ chức thế giới kỹ thuật số?

- A. Tiếp cận những giới hạn của tâm trí con người.
- B. Lọc và xử lý các tương tác trong xã hội thực tại.
- C. Tăng tốc độ và hiệu quả xử lý dữ liệu thông tin.
- D. Thực hiện dễ dàng các thuật toán truyền thống.

Câu 5. Trong đoạn (3), thông tin “*các năng lực của AI và các giao thức của con người để kiểm tra kết quả của AI cũng sẽ tiến hoá*” hỗ trợ làm rõ mục đích nào sau đây?

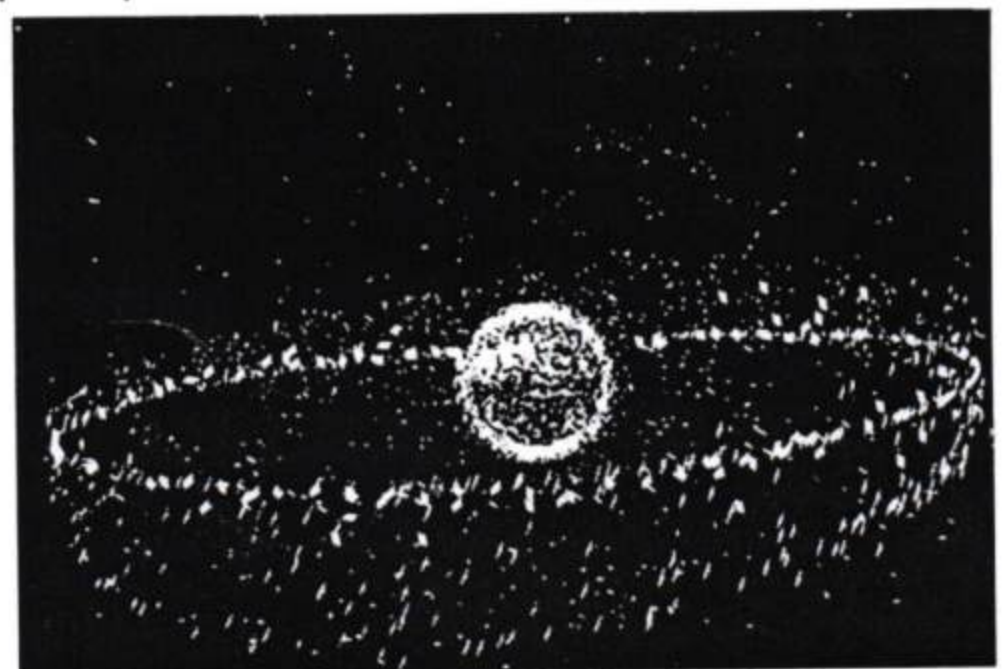
- A. Đánh giá hiệu suất của AI khi sử dụng trong các phương tiện tự hành.
- B. Xác định các hạn chế nghiêm ngặt khi sử dụng AI ở bối cảnh đặc thù.
- C. Khuyến nghị quan điểm mở và linh hoạt khi lựa chọn sử dụng AI.
- D. Đề xuất lĩnh vực mà AI cung cấp kết quả chính xác hơn con người.

I.2. Đọc văn bản 2 và trả lời các câu hỏi từ 6 đến 10.

VĂN BẢN 2

Năm Quốc tế Du hành Vũ trụ (2011) đã kết thúc, một số chuyên gia về vũ trụ đánh giá rằng, khối lượng rác trên quỹ đạo gần Trái Đất đã đạt tới mức báo động. Trên quỹ đạo gần Trái Đất hiện nay có hơn **16.000** vật thể có nguồn gốc nhân tạo. Trong số này có **3.000** vệ tinh đang hoặc không hoạt động, hơn **12.000** tầng động cơ, khối và mảnh vụn tên lửa đẩy. Số lượng những vật thể kích thước bé hơn, từ 1 - 10 cm, theo ước tính khác nhau, vào khoảng **200.000 - 600.000**. Những loại rác nhỏ hơn nữa được giới chuyên gia cho là lên tới hàng chục triệu.

Yếu tố duy nhất cứu vùng không gian gần Trái Đất tránh khỏi nguy cơ hoàn toàn trở thành bãi rác thải là những mảnh vụn đang bay ở độ cao dưới 600 km, sau một thời gian, sẽ cháy trong khí quyển. Nhưng ở quỹ đạo 800 km và cao hơn, các vật thể sẽ lơ lửng tồn tại tới vài thập kỉ. Đã xảy ra không ít trường hợp mảnh vụn làm vô hiệu hoá vệ tinh truyền thông và định vị. Trạm Không gian Quốc tế (ISS) hàng trăm lần phải đổi đường bay để tránh va chạm với các mảnh vụn vô chủ.



Hình minh họa cho rác vũ trụ

Giải phóng không gian vũ trụ khỏi các đối tượng rác thải là vấn đề rất cấp bách và đang được nhiều nước nghiên cứu phương án thực hiện. Cơ quan Không gian Nhật Bản dự định sử dụng lưới đánh cá để làm sạch vũ trụ. Những chiếc lưới khổng lồ được đề xuất đưa lên một vệ tinh trên quỹ đạo. Tấm lưới vài ki-lô-mét tung ra nhờ bộ điều khiển đặc biệt, sau khi hoàn thành nhiệm vụ, lưới tự động tháo gỡ khỏi vệ tinh. Các mảnh vụn thu thập được sẽ cùng lưới lọt vào bầu khí quyển để được thiêu huỷ hoàn toàn.

Hãng tin Ruvr cho rằng, đến thời điểm này, phương tiện vạn năng đối phó với rác thải không gian vẫn chưa ra đời. Điều an ủi duy nhất là, theo các nhà khoa học, xác suất thống kê mảnh vụn rơi xuống Trái Đất hoặc va chạm thiết bị vũ trụ rất không đáng kể. Với đà gia tăng hoạt động trong vũ trụ hiện nay của con người, khả năng rác vũ trụ rơi xuống Trái Đất ngày càng nhiều là điều không tránh khỏi.

(Theo *Almanach - Những nền văn minh thế giới*, NXB Hồng Đức, 2018, tr.2325-2326)

Câu 6. Nhận định nào sau đây phù hợp với quan điểm của tác giả trong văn bản?

- A. Việc xử lí rác vũ trụ chưa cấp thiết vì rác ở độ cao dưới 600 km sẽ tự thiêu huỷ trong khí quyển.
- B. Việc xử lí rác vũ trụ cần được quan tâm ngay vì hoạt động khám phá vũ trụ đang phát triển mạnh.
- C. Việc xử lí rác vũ trụ bất khả thi vì phương tiện vạn năng đối phó với rác vũ trụ vẫn chưa ra đời.
- D. Việc xử lí rác vũ trụ không đáng lo vì xác suất thống kê rác rơi xuống Trái Đất không đáng kể.

Câu 7. Hình minh hoạ trong văn bản trực quan hoá thông tin nào sau đây về rác vũ trụ?

- A. Số lượng và vị trí của rác vũ trụ.
- B. Sự hình thành và thiêu huỷ của rác vũ trụ.
- C. Hình dạng và độ cao của rác vũ trụ.
- D. Đường bay và hướng bay của rác vũ trụ.

Câu 8. Phương án nào sau đây nêu đúng trật tự tổ chức thông tin trong văn bản?

- A. Nguyên nhân - Kết quả - Biện pháp - Liên hệ
- B. Thực trạng - Tác hại - Giải pháp - Cảnh báo
- C. Nêu vấn đề - Minh hoạ - Giải quyết vấn đề - Khuyến nghị
- D. Hiện trạng - Nguyên nhân - Hậu quả - Giải pháp

Câu 9. Các số liệu được in đậm trong văn bản có tác dụng làm rõ cho thông tin nào sau đây?

- A. Số lượng rác vũ trụ trên bề mặt Trái Đất đã nhiều đến mức báo động.
- B. Sự đa dạng của các loại vật thể nhân tạo trên quỹ đạo gần Trái Đất.
- C. Tổng số lượng rác vũ trụ từ tên lửa nhiều hơn rác vũ trụ từ vệ tinh.
- D. Lượng rác vũ trụ trên không gian gần Trái Đất đã tới mức cảnh báo.

Câu 10. Rác vũ trụ trên quỹ đạo gần Trái Đất có thể gây ra những nguy cơ nào sau đây?

- A. Nguy cơ làm chệch hướng thiết bị vũ trụ; va chạm với tên lửa đẩy; cháy và toả nhiệt làm nóng khí quyển Trái Đất.
- B. Nguy cơ tự phân mảnh thành vật thể kích thước nhỏ; biến trạm không gian thành bãi rác thải; va chạm với Trái Đất.
- C. Nguy cơ khiến vệ tinh truyền thông và định vị ngừng hoạt động; va chạm với trạm không gian; rơi xuống Trái Đất.
- D. Nguy cơ vô hiệu hoá hoạt động của vệ tinh, tăng động cơ của trạm không gian; thay đổi quỹ đạo quay của Trái Đất.

B. VIẾT TRÊN TỜ GIẤY THI

Phần II (2 điểm). *Viết đoạn văn nghị luận xã hội.*

Câu 1.

*luôn có đủ thời gian
cho những điều ta yêu*

(nhược lạc¹, trích *luôn đủ*, in trong *com nhà nói chung là êm*,

NXB Thế Giới – Công ty Văn hoá và Truyền thông Nhã Nam, 2024, tr.154)

Anh/Chị có đồng ý với quan điểm trên không? Hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ ý kiến của anh/chị.

Phần III (5 điểm). *Viết bài văn nghị luận văn học.*

Câu 2. Hãy viết bài văn (khoảng 600 chữ) phân tích bài thơ sau:

Đối thoại

*Thành phố bây giờ ít tiếng chim
Người bạn cúi tìm trên mặt đất
Mấy ai ngẩng lên và lắng nghe.*

*Hiệu sách bây giờ ngại bán thơ
Suốt ngày tất tả ai mơ mộng
Hoa chẳng còn thơm đến bất ngờ.*

*Thành phố còn ai ngồi ghé đá
Lặng nhìn trăng rộng phía hồ xa
Còn ai mỗi bận cây thay lá
Nghe lòng xao xác dưới chân qua.*

*Kìa lắng cảnh xanh rơi tiếng chim
Tay ai lật sách giữa phòng im
Có chi xao xuyến. Hương hoa bời
vẫn ngát như ngày anh biết em.*

(Vũ Quần Phương², *Giấy mệnh mộng trắng*, NXB Văn học, 2003, tr.37-38)

HẾT

Ghi chú: Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

¹ Tên tác giả, tác phẩm: giữ nguyên cách trình bày trong văn bản gốc.

² Vũ Quần Phương tên khai sinh là Vũ Ngọc Chúc, sinh năm 1940, là nhà thơ, nhà phê bình văn học. Ông được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2007. Một số tập thơ tiêu biểu của ông: *Hoa trong cây* (1977), *Vàng trắng trong chiếc xe bò* (1988), *Vết thời gian* (1996), *Quên chữ, quên câu* (2000), *Giấy mệnh mộng trắng* (2003), *Chỗ ấy... sóng* (2007), *Chân trời sau chân trời* (2011),...

ĐÁP ÁN - THANG ĐIỂM
ĐỀ THI CHÍNH THỨC
(Đáp án - Thang điểm gồm có 3 trang)

MÔN: NGỮ VĂN

A. TÔ TRÊN PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

Phần I (3 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 10. Đối với mỗi câu, thí sinh chỉ chọn một phương án. Mỗi câu trả lời trắc nghiệm đúng được 0,3 điểm.

Mã đề thi: 123

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	A	6	B
2	C	7	A
3	D	8	B
4	C	9	D
5	C	10	C

* Đối với **Phần I**, thí sinh trả lời câu hỏi bằng cách tô trên Phiếu trả lời trắc nghiệm; bài làm được quét bằng máy và chấm tự động bằng phần mềm.

B. VIẾT TRÊN TỜ GIẤY THI

Phần II (2 điểm). Viết đoạn văn nghị luận xã hội.

Câu 1.

Tiêu chí đánh giá			Thang điểm
Nội dung	Tổ chức đoạn văn nghị luận	Từ vựng, ngữ pháp	
Thể hiện được đầy đủ các nội dung: (1) Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: (0,25 điểm) Ý kiến về quan điểm “luôn có đủ thời gian/cho những điều ta yêu”. (2) Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. Một số gợi ý về nội dung như sau: - Giải thích và nêu ý kiến: (0,25 điểm) + “luôn có đủ thời gian”: khẳng định luôn đáp ứng được lượng thời gian cần thiết; “những điều ta yêu”: con người, công việc, hoạt động,... mang lại niềm vui, giá trị cho ta. + Nêu rõ đồng ý hay không đồng ý với quan điểm trên. - Bàn luận: (1,25 điểm) * Phương án 1: Bàn luận để làm rõ ý kiến đồng ý + Nếu biết sắp xếp kế hoạch, phân loại công việc, ưu tiên những điều quan trọng thì “luôn có đủ” thời lượng mong muốn. + Nếu biết tập trung vào công việc; toàn tâm toàn ý với những người thân yêu; nỗ lực phát triển bản thân,...thì dù thời lượng ngắn, ta vẫn tạo ra được khoảng thời gian ý nghĩa, có giá trị cao.	- Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng đoạn văn: Đoạn văn có dung lượng khoảng 200 chữ, được trình bày theo một cấu trúc (diễn dịch, quy nạp, phối hợp, móc xích hoặc song song). - Đảm bảo mạch lạc và liên kết trong đoạn: + Triển khai được hệ thống ý làm rõ vấn đề nghị luận. Không mắc lỗi thiếu ý, lặp ý, lạc ý,... + Sử dụng các thao tác lập luận phù hợp,	- Đảm bảo chuẩn chính tả. - Dùng từ chính xác, sinh động. - Đặt câu đúng ngữ pháp tiếng Việt; các kiểu câu đa dạng, phù hợp.	2,0

Tiêu chí đánh giá			Thang điểm
Nội dung	Tổ chức đoạn văn nghị luận	Từ vựng, ngữ pháp	
+ Nếu biết chủ động điều chỉnh, thích nghi với hoàn cảnh biến động thì về tâm lí, ta vẫn luôn cảm thấy “đủ thời gian”. <i>* Phương án 2: Bàn luận để làm rõ ý kiến không đồng ý</i> + Hoàn cảnh khách quan như công việc, trách nhiệm xã hội, bắt buộc nảy sinh,... khiến ta không chủ động được, không thể chắc chắn “luôn có đủ thời gian”. + Tâm lí con người đã yêu điều gì thì luôn cảm thấy dành bao nhiêu thời gian cũng chưa “đủ”. + Việc ý thức rằng có thể không “đủ thời gian” giúp ta biết quý thời gian, cố gắng nâng cao chất lượng sử dụng thời gian. (3) <i>Rút ra bài học: (0,25 điểm)</i> Cần trang bị kĩ năng quản lí thời gian; cân bằng giữa những điều yêu thích và trách nhiệm. (<i>Lưu ý: Thí sinh có thể trình bày kết hợp cả 2 phương án trên hoặc có quan điểm riêng, miễn là lập luận thuyết phục</i>).	kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng. + Sử dụng phương tiện liên kết câu hợp lí, chặt chẽ.		
Xác định đúng vấn đề cần nghị luận, triển khai cơ bản hợp lí, đưa ra được dẫn chứng nhưng chưa tiêu biểu.	Cơ bản đảm bảo được mạch lạc và liên kết trong đoạn.	Có một số lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.	1,5
Xác định đúng vấn đề cần nghị luận, triển khai chung chung, dẫn chứng không phù hợp.	Có lỗi mạch lạc hoặc lỗi liên kết câu trong đoạn.	Có một số lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.	1,0
Xác định đúng vấn đề cần nghị luận nhưng các ý triển khai sơ sài, không có dẫn chứng.	Không đảm bảo mạch lạc và liên kết trong đoạn.	Có nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,5
Không làm bài/Nội dung viết không liên quan đến yêu cầu của đề bài.			0

Phần III (5 điểm). *Viết bài văn nghị luận văn học.*

Câu 2.

Tiêu chí đánh giá			Thang điểm
Nội dung	Tổ chức bài văn nghị luận	Từ vựng, ngữ pháp	
Thể hiện đầy đủ các nội dung: (1) <i>Giới thiệu về tác giả Vũ Quần Phương, khái quát về bài thơ: (0,5 điểm)</i> Bài thơ thể hiện những cảm xúc, suy tư của nhân vật trữ tình trước sự thay đổi của cuộc sống đô thị và con người hiện đại. (2) <i>Phân tích nội dung của bài thơ: (2,0 điểm)</i> - <i>Cảm xúc của nhân vật trữ tình trước sự đổi thay của thành phố:</i> + Thành phố thiếu vắng hình ảnh thiên nhiên nên thơ (<i>ít tiếng chim; hoa chẳng còn thơm</i>); con người thành phố bận lo toan vật chất (<i>bận cúi tìm trên mặt đất, suốt ngày tất tả</i>), ít chú ý đến đời sống tinh thần (thờ ơ trước vẻ đẹp thiên nhiên; không quan tâm đến thơ ca; không dành những “khoảng lặng” để lắng nghe cảm xúc của mình,...). + Nhân vật trữ tình cảm thấy buồn, hoài niệm, tiếc nuối.	- Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng bài văn: Bài văn có dung lượng khoảng 600 chữ; bố cục ba phần: mở bài, thân bài, kết bài. - Đảm bảo mạch lạc và liên kết trong bài văn: + Triển khai các luận điểm làm rõ nội dung và nghệ thuật của bài thơ.	- Đảm bảo chuẩn chính tả. - Dùng từ chính xác, sinh động. - Đặt câu đúng ngữ pháp tiếng Việt; các kiểu câu đa dạng, phù hợp.	5,0

- Cảm xúc của nhân vật trữ tình khi phát hiện ra khoảng thi vị của thành phố: + Thành phố vẫn còn những khoảng không gian lãng mạn (cành xanh rơi tiếng chim), những con người theo đuổi giá trị tinh thần (tay ai lật sách). + Nhân vật trữ tình cảm thấy ngỡ ngàng, xúc động, hạnh phúc (Có chi xao xuyến. Hương hoa buổi/vẫn ngát như ngày anh biết em). - Những suy tư về cuộc sống và con người được gợi mở từ bài thơ: + Về đẹp thiên nhiên, cuộc sống, tâm hồn con người chưa từng mất đi mà chỉ bị cuộc sống vật chất xô bồ khuấy lấp. + Con người cần có “khoảng lặng” để cân bằng cảm xúc, cảm nhận và thêm trân trọng những giá trị tinh thần. (3) Phân tích nghệ thuật của bài thơ: (2,0 điểm) - Bài thơ kết cấu theo mạch ngầm đối thoại: + Nhan đề “Đối thoại” + Nhân vật trữ tình “anh” tự đối thoại với chính mình, thể hiện quá trình “ngộ nhận” và “vỡ lẽ” về những điều mất - còn. + Nhiều cặp đối lập đan xen: không gian đô thị - không gian thiên nhiên; hiện tại - quá khứ; con người lo toan vật chất - con người lãng mạn, tinh tế;... - Cách gieo vần, ngắt nhịp thơ linh hoạt; giọng điệu phù hợp mạch cảm xúc đi từ buồn đến vui. - Các hình ảnh giản dị, giàu sức gợi. - Ngôn từ giàu cảm xúc: từ ngữ cảm thán, đại từ phiếm chỉ, cấu trúc phủ định,...; biện pháp tu từ phong phú: ẩn dụ, hoán dụ, điệp ngữ,... (4) Đánh giá chung về bài thơ: (0,5 điểm) - Bài thơ là tiếng nói trữ tình sâu lắng của Vũ Quần Phương, bộc lộ niềm tin yêu cuộc sống và mong muốn lưu giữ những vẻ đẹp bình dị mà đáng quý của thiên nhiên, cuộc sống, con người. - Bài thơ thể hiện nét đặc sắc của thơ Vũ Quần Phương: giản dị, giàu cảm xúc, gợi suy tưởng và triết lí sâu sắc. (Lưu ý: Thí sinh có thể triển khai mạch ý theo cách thức linh hoạt, miễn là phân tích được nội dung và nghệ thuật của bài thơ).	+ Lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp; lập luận thuyết phục; kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng tiêu biểu lựa chọn từ bài thơ. + Sử dụng phương tiện liên kết câu, liên kết đoạn hợp lí, chặt chẽ.		
Thể hiện được 2/3 nội dung (1), (2), (3).	Tổ chức thành bài văn hoàn chỉnh, triển khai thiếu ý hoặc ý còn sơ sài.	Dùng từ, viết câu đạt yêu cầu cơ bản.	3,5
Viết thành bài văn nhưng chưa hoàn chỉnh, chưa rõ nội dung của bài, mắc lỗi dùng từ, đặt câu.			1,5
Không làm bài/ Nội dung viết không liên quan đến yêu cầu của đề bài.			0

* Đối với **Phần II, Phần III**, thí sinh viết trên Tờ giấy thi; bài làm được cán bộ chấm thi theo quy định.

HẾT